

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NT
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2019/DS-ST
Ngày: 29/11/2019
V/v tranh chấp: "Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NT,
TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **TRẦN THỊ THANH HƯƠNG**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **NGUYỄN ĐỨC ĐẸP**

2. Ông **NGÔ TIẾN THÀNH**

- Thư ký phiên tòa: Bà **TRẦN THỊ HỒNG** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố NT tham gia phiên tòa: Ông **LÊ HOÀNG ANH** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố NT mở phiên tòa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 355/2019/TLST-DS ngày 19 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2019/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2019/QĐST-DS ngày 11 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Phan Thị Ngọc H** – Sinh năm 1964

Địa chỉ: 5A Đ, phường VH, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa. Bà H có đơn xin vắng mặt.

*** Bị đơn:** Ông **Nguyễn Đình N** và bà **Trần Thị Vân H'**

Cùng địa chỉ: Số 7 P, phường VH, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa. Ông N và bà H' vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các biên bản hòa giải, nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H trình bày:**

Bà và vợ chồng ông Nguyễn Đình N và bà Trần Thị Vân H' có quen biết nhau nên ông N, bà H' có mượn bà số tiền để làm ăn, cụ thể như sau:

- Ngày 26/12/2017, ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H' vay của bà 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), có làm hợp đồng và thỏa thuận trả mỗi ngày 135.000 đồng bao gồm cả lãi và gốc trong thời gian 360 ngày. Ông N, bà H' đã trả được tổng cộng số tiền là: 19.305.000đ, trong đó tiền gốc là 12.367.000đ và tiền lãi là 6.938.000đ.

Nay bà yêu cầu ông N và bà H' đối với khoản vay này phải trả cho bà số tiền gốc còn nợ là: 17.633.000đ và yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 27/5/2018 cho đến nay tính tròn là 18 tháng cụ thể: 17.633.000đ x 1% x 18 tháng = 3.173.940 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là **20.806.940** đồng (17.633.000đ + 3.173.940 đ).

- Ngày 10/4/2018, ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H' vay bà 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) có làm hợp đồng và thỏa thuận trả mỗi ngày 100.000 đồng bao gồm cả lãi và gốc trong thời gian 120 ngày. Hợp đồng vay này ông N, bà H' đã trả được tổng cộng số tiền là 3.700.000đ, trong đó: Tiền gốc là 3.083.358 đồng; Tiền lãi là 617.642 đồng.

Nay bà yêu ông N và bà H' đối với khoản vay này phải trả cho bà số tiền gốc còn nợ là: 6.916.642 đồng và yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 18/5/2018 cho đến nay tính tròn là 18 tháng cụ thể: $6.916.642 \times 1\% \times 18 \text{ tháng} = 1.244.995$ đồng. Tổng cộng gốc và lãi là **8.161.637** đồng ($6.916.642\text{đ} + 1.244.995\text{đ}$).

- Ngày 25/4/2018, ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H' vay bà 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) có làm hợp đồng và thỏa thuận trả mỗi ngày 135.000 đồng bao gồm cả lãi và gốc trong thời gian 360 ngày. Hợp đồng vay này ông N, bà H' đã trả được tổng cộng số tiền là 2.970.000đ, trong đó: Tiền gốc là 1.902.648 đồng; Tiền lãi là 1.067.352 đồng.

Nay bà yêu ông N và bà H' đối với khoản vay này phải trả cho bà số tiền gốc còn nợ là: 28.097.352đ và yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng kể từ ngày 18/5/2018 cho đến nay tính tròn là 18 tháng cụ thể: $28.097.352\text{đ} \times 1\% \times 18 \text{ tháng} = 5.057.523$ đồng. Tổng cộng gốc và lãi là **33.154.875** đồng ($28.097.352\text{đ} + 5.057.523\text{đ}$).

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông N và bà H' đã vi phạm cam kết mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng. Bà đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông N và bà H' trả tiền cho bà theo cam kết nhưng vợ chồng ông N và bà H' vẫn cố tình tránh mặt, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà.

Nay, bà yêu cầu ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H' phải trả cho bà số tiền gốc còn lại của ba hợp đồng vay nêu trên và lãi suất là 1%/ tháng cho đến thời điểm xét xử là: 20.806.940 đồng + 8.161.637 đồng + 33.154.875 đồng = **62.123.452** đồng. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

* *Bị đơn* ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H': Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, yêu cầu bị đơn là ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H' có mặt tại Tòa án để cung cấp tài liệu, chứng cứ và trình bày ý kiến bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà. Tuy nhiên, ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H' đã vắng mặt không có lý do, vì vậy Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án.

* *Tại phiên tòa*: Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố NT phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H. Buộc bị đơn ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H' phải trả cho bà Phan Thị Ngọc H số tiền gốc là: 62.123.452đồng

- Án phí: Bị đơn ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H' phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Theo Giấy vay tiền đề các ngày 26/12/2017; 10/04/2018; và 25/4/2018 do chính bị đơn ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H' viết thì ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H' ghi nơi đăng ký thường trú tại: Số 7 Phú Đức, phường VH, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa. Theo nội dung Biên bản xác minh đề ngày 31/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố NT, Công an phường VH, thành phố NT xác nhận ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H' có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: số 7 Phú Đức, phường VH, thành phố NT, tỉnh Khánh Hòa; Hiện nay, ông N và bà H' không có mặt tại địa phương đi khỏi địa phương cách đây 6 tháng. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H đã ghi đầy đủ và chính xác địa chỉ của bị đơn ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H' theo đúng quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H.

- Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H' đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H'.

[2] Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Phan Thị Ngọc H và tại biên bản lấy lời ngày 21/10/2019:

- Ngày 26/12/2017, ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H' vay của bà 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) có làm hợp đồng và thỏa thuận trả mỗi ngày 135.000 đồng bao gồm cả lãi và gốc trong thời gian 360 ngày. Hợp đồng vay này ông N, bà H' đã trả được tổng cộng số tiền là: Tiền gốc là 12.367.000đ.

- Ngày 10/4/2018, ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H' vay của bà 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) có làm hợp đồng và thỏa thuận trả mỗi ngày 100.000 đồng bao gồm cả lãi và gốc trong thời gian 120 ngày. Hợp đồng vay này ông N, bà H' đã trả được tổng cộng số tiền gốc là 3.083.358 đồng.

- Ngày 25/4/2018, ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H' vay của bà 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) có làm hợp đồng và thỏa thuận trả mỗi ngày 135.000 đồng bao gồm cả lãi và gốc trong thời gian 360 ngày. Hợp đồng vay này ông N, bà H' đã trả được tổng cộng số tiền gốc là 1.902.648 đồng.

Căn cứ vào nội dung Giấy vay tiền đề các ngày 26/12/2017; ngày 10/4/2018 và ngày 25/4/2018, có chữ ký của bên cho vay là bà Phan Thị Ngọc H và bên vay là ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H', Hội đồng xét xử xác định ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H' có nợ bà Phan Thị Ngọc H số tiền như trong các giấy vay nợ nêu trên là có thật. Đến hạn trả nợ nhưng ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H' không thực hiện nghĩa vụ cũng như không có thiện chí trả nợ là xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của bà H. Hội đồng xét xử xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phan Thị Ngọc H là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Lãi suất:

Bà H yêu cầu ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H' phải trả lãi suất

cho giấy vay tiền đề ngày 26/12/2017 là: $17.633.000đ \times 1\% \times 18 \text{ tháng} = 3.173.940$ đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi mà ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H' phải trả cho bà H theo hợp đồng này là $17.633.000đ + 3.173.940 \text{ đồng} = 20.806.940$ đồng, là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà H yêu cầu ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H' phải trả lãi suất cho giấy vay tiền đề ngày 10/4/2018 là: $6.916.642 \times 1\% \times 18 \text{ tháng} = 1.244.995$ đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi mà ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H' phải trả cho hợp đồng này là $6.916.642 + 1.244.995 \text{ đồng} = 8.161.637$ đồng, là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà H yêu cầu ông Nguyễn Đình N và bà Nguyễn Thị Vân H' phải trả lãi suất cho giấy vay tiền đề ngày 25/4/2018 là: $28.097.352đ \times 18 \text{ tháng} \times 1\% = 5.057.523$ đồng. Tổng cộng gốc và lãi ông N, bà H' phải trả là: $28.097.352đ + 5.057.523 \text{ đồng} = 33.154.875$ đồng là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Ông Nguyễn Đình N và bà Trần Thị Vân H' phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 62.123.452 đồng mà ông N, bà H' phải trả cho bà Phan Thị Ngọc H. Cụ thể: Ông Nguyễn Đình N và bà Trần Thị Vân H' phải chịu $62.123.452 \text{ đồng} \times 5\% = 3.106.173 \text{ đồng}$ (*Ba triệu một trăm lẻ sáu nghìn một trăm bảy mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn lại cho bà Phan Thị Ngọc H số tiền 2.186.000 đồng (*Hai triệu một trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014657 ngày 10/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố NT.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468 và Khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là bà Phan Thị Ngọc H.

Buộc bị đơn là ông Nguyễn Đình N và bà Trần Thị Vân H' phải trả số tiền gốc là 52.646.994 đồng và tiền lãi là 9.476.458 đồng, tổng cộng là 62.123.452 đồng (*Sáu mươi hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi hai đồng*); cho bà Phan Thị Ngọc H khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về án phí:

- Ông Nguyễn Đình N và bà Trần Thị Vân H' phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.106.173 đồng (*Ba triệu một trăm lẻ sáu nghìn một trăm bảy mươi ba đồng*).

- Hoàn lại cho bà Phan Thị Ngọc H số tiền 2.186.000 đồng (*Hai triệu một trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0014657 ngày 10/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố NT.

3. Quy định: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm trả tiền thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật Dân sự 2015, tương ứng với thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Bà Phan Thị Ngọc H, ông Nguyễn Đình N và bà Trần Thị Vân H' vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. NT;
- Chi cục THADS Tp. NT;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Thanh Hương

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- VKSND Tp. NT;
- Chi cục THADS Tp. NT;
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- Lưu: Hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Hương

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Đẹp Ngô Tiến Thành

Trần Thị Thanh Hương